

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

02/1

D71 113

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (73 -)/DA23YKC

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

02 / 01 / 2024Phòng thi: D71 113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116023101	Nguyễn Trần Hữu Lộc	09/11/2005	Nam	8,3	5,8	7,1	001	<u>[Signature]</u>		
2	116023103	Nguyễn Gia Lợi	13/10/2005	Nam	8,6	5,5	7,1	002	<u>[Signature]</u>		
3	116023104	Lê Ngọc Kiều Liên	09/06/2005	Nữ	9,0	7,8	8,4	003	<u>[Signature]</u>		
4	116023105	Dương Phương Linh	27/02/2004	Nam	9,2	6,3	7,8	004	<u>[Signature]</u>		
5	116023106	Lê Yến Linh	16/10/2005	Nữ	—	—	—	—	—		
6	116023107	Nguyễn Nhật Linh	30/01/2004	Nam	8,9	6,8	7,9	006	<u>[Signature]</u>		
7	116023108	Nguyễn Nhật Linh	10/06/2005	Nữ	8,5	6,3	7,4	007	<u>[Signature]</u>		
8	116023109	Thạch Nhật Linh	10/03/2005	Nam	8,6	6,3	7,5	008	<u>[Signature]</u>		
9	116023110	Trương Hoài Linh	06/02/2004	Nam	9,4	7,5	8,5	009	<u>[Signature]</u>		
10	116023111	Vũ Phạm Ngọc Linh	25/08/2005	Nữ	8,3	6,8	7,6	010	<u>[Signature]</u>		
11	116023112	Hoàng Lê Thu Loan	08/02/2004	Nữ	9,2	6,0	7,6	011	<u>[Signature]</u>		
12	116023113	Đặng Phúc Luân	21/11/2005	Nam	—	—	—	—	—		
13	116023115	Trần Thị Ngọc Mai	31/03/2005	Nữ	9,4	5,8	7,6	013	<u>[Signature]</u>		
14	116023116	Trần Thị Ngọc Mai	29/08/2005	Nữ	9,4	6,0	7,7	014	<u>[Signature]</u>		
15	116023117	Trần Trúc Mai	19/07/2005	Nữ	9,0	6,8	7,9	015	<u>[Signature]</u>		
16	116023118	Tạ Tuyết Minh	01/05/2005	Nữ	8,7	6,3	7,5	016	<u>[Signature]</u>		
17	116023120	Nguyễn Thanh Mạnh	12/04/2005	Nam	9,7	6,8	8,3	017	<u>[Signature]</u>		
18	116023121	Giã Ngọc My	12/09/2005	Nữ	8,7	5,8	7,3	018	<u>[Signature]</u>		
19	116023122	Lê Diễm My	20/03/2005	Nữ	9,0	6,8	7,9	019	<u>[Signature]</u>		
20	116023123	Võ Trần Nhật Nam	30/05/2005	Nam	9,7	8,0	8,9	020	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 12 tháng 01 năm 2024Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim NgọcCán bộ ghi điểm: Đào Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Signature]Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (73 -)/DA23YKC

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

02/01

D71 114

Hình thức đánh giá: Giáo viên

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....02.....01.....2024

Phòng thi: D71 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116023124	Lâm Thảo	Ngân	10/08/2005	Nữ	9,4	6,3	7,9	001	<u>Am</u>	
2	116023126	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân	04/06/2005	Nữ	8,9	5,8	7,4	002	<u>Agar</u>	
3	116023127	Nguyễn Thị Thu	Ngân	04/07/2005	Nữ	—	—	—	—	—	
4	116023128	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	04/02/2005	Nữ	9,3	7,3	8,3	004	<u>Thi</u>	
5	116023129	Bùi Hồ Hồng	Ngọc	16/08/2005	Nữ	8,8	7,3	8,1	005	<u>2</u>	
6	116023130	Nguyễn Cao Như	Ngọc	19/06/2005	Nữ	8,7	5,8	7,3	006	<u>Nguy</u>	
7	116023131	Lâm Tú	Nghi	09/07/2005	Nữ	9,1	6,5	7,8	007	<u>Thi</u>	
8	116023132	Lý Trung	Nghĩa	30/09/2004	Nam	—	—	—	—	—	
9	116023133	Phạm Chí	Nghĩa	27/06/2005	Nam	9,3	7,5	8,4	009	<u>Ph</u>	
10	116023134	Trần Thị Chúc	Ngoan	26/02/2005	Nữ	8,8	4,5	6,7	010	<u>Thi</u>	
11	116023135	Huỳnh Khánh	Nguyên	17/10/2004	Nữ	—	—	—	—	—	
12	116023136	Nguyễn Lý Khánh	Nguyên	22/09/2005	Nữ	8,9	5,8	7,4	012	<u>Ph</u>	
13	116023137	Nguyễn Thái	Nguyên	09/10/2005	Nam	8,8	6,5	7,7	013	<u>Ph</u>	
14	116023140	Thạch Thị Út	Nhân	01/01/2005	Nữ	9,0	6,3	7,7	014	<u>ml</u>	
15	116023141	Huỳnh Yến	Nhi	27/04/2005	Nữ	9,0	7,0	8,0	015	<u>Nguyen</u>	
16	116023142	Quách Tiên	Nhi	26/10/2005	Nữ	8,8	5,5	7,2	016	<u>Ph</u>	
17	116023145	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/08/2005	Nữ	8,8	4,5	6,7	017	<u>Thi</u>	
18	116023146	Nguyễn Thị Kim	Nhung	19/11/2005	Nữ	9,0	8,0	8,5	018	<u>Thi</u>	
19	116023148	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	31/07/2004	Nữ	8,7	6,3	7,5	019	<u>Thi</u>	
20	116023272LT	Lê Thị Thu	Hà	18/09/1990	Nữ	9,2	4,0	6,6	020	<u>Am</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20..Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17...Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50...Trà Vinh, Ngày 12 tháng 01 năm 2024Cán bộ coi thi 1: La Cao Dương Phương LanCán bộ ghi điểm: La Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: LaNguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (73 -)/DA23YKC

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

02 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116023275LT	Nguyễn Huỳnh Thanh Tùng	23/03/1998	Nam	8,5	5,5	7,0	006			
2	116023276LT	Trần Thành Trung	15/04/2003	Nam	9,3	5,0	7,2	007			
3	116023281LT	Nguyễn Chiêu Anh	27/05/2003	Nam	9,7	7,3	8,5	008			
4	116023282LT	Nguyễn Văn Thảo	27/06/1982	Nam	9,7	6,3	8,0	509			
5	116023284LT	Nguyễn Thị Thùy Linh	26/03/1993	Nữ	9,1	5,8	7,5	010			
6	116023318	Trần Hoàng Hi	24/06/2004	Nam	9,5	5,8	7,7	011			
7	116023319	Nguyễn Thị Diệu Minh	01/01/2004	Nữ	9,1	6,0	7,6	012			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ: 07

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 12 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Phạm Nguyễn Anh Phi

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

0211

ĐT1-111

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
02 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐT1-111

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (73 - ~~9~~/DA23YKD

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116023151	Thạch Thị Kiều Oanh	11/06/2005	Nữ	9,1	6,5	7,8	001	<u>cu</u>		
2	116023152	Trần Lê Hoàng Oanh	17/05/2005	Nữ	8,8	7,0	7,9	002	<u>cu</u>		
3	116023153	Phan Tấn Phát	25/04/2005	Nam	9,0	6,3	7,7	003	<u>ph</u>		
4	116023154	Neáng Sô Phép	05/12/2005	Nữ	9,2	6,0	7,6	004	<u>ph</u>		
5	116023155	Trần Trường Phong	04/03/2005	Nam	8,9	4,5	6,7	005	<u>tr</u>		
6	116023158	Trần Thị Phúc	12/05/2005	Nam	8,0	6,8	7,4	006	<u>tr</u>		
7	116023159	Trương Tấn Thiên Phúc	28/05/2005	Nam	8,2	6,3	7,3	007	<u>tr</u>		
8	116023162	Lê Quyên Phương	10/11/2005	Nữ	9,0	5,3	7,2	008	<u>le</u>		
9	116023163	Nguyễn Bình Phương	25/02/2005	Nam	9,0	5,8	7,4	009	<u>ng</u>		
10	116023165	Phạm Trần Nhã Phương	09/10/2005	Nữ	8,9	6,5	7,7	010	<u>ph</u>		
11	116023167	Trần Vĩ Quốc	22/08/2005	Nam	8,8	5,8	7,3	011	<u>tr</u>		
12	116023168	Diệp Xuân Quỳnh	09/02/2005	Nữ	9,7	6,5	8,1	012	<u>di</u>		
13	116023169	Đặng Thị Xuân Quỳnh	23/01/2005	Nữ	8,8	5,8	7,3	013	<u>dy</u>		
14	116023171	Nguyễn Trần Thảo Quỳnh	28/05/2005	Nữ	9,5	6,0	7,8	014	<u>ng</u>		
15	116023172	Chau Chanh Tha Rit	10/08/2005	Nam	9,3	6,0	7,7	015	<u>ch</u>		
16	116023173	Bùi Thị Nguyệt San	27/01/2005	Nữ	9,3	5,0	7,2	016	<u>bu</u>		
17	116023174	Phan Nhật Sang	21/05/2005	Nam	8,5	6,5	7,5	017	<u>ph</u>		
18	116023175	Trần Thanh Sang	07/10/2005	Nam	9,4	6,0	7,7	018	<u>tr</u>		
19	116023176	Bùi Phạm Thái Sơn	09/06/2005	Nam	8,9	4,8	6,9	019	<u>bu</u>		
20	116023177	Đồng Tuyết Sương	24/08/2005	Nữ	—	—	—	—	—		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Phương

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 80 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 12 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương

Cán bộ kiểm tra: Trần Cao Dương

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (73 -)/DA23YKD

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
02 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116023179	Lưu Văn Tấn	Tài	22/11/2005	Nam	8,1	3,8	6,0	001	<u>[Signature]</u>	
2	116023180	Nguyễn Thành	Tài	04/12/2005	Nam	9,4	5,8	7,6	002	<u>[Signature]</u>	
3	116023181	Lâm Diệp Duy	Tân	26/01/2005	Nam	9,1	5,0	7,1	003	<u>[Signature]</u>	
4	116023183	Trương Thanh	Tân	07/08/2005	Nam	8,4	5,3	6,9	004	<u>[Signature]</u>	
5	116023184	Từ Văn	Thừa	25/01/2005	Nam	9,4	5,5	7,5	005	<u>[Signature]</u>	
6	116023185	Hứa Bảo	Thanh	25/07/2005	Nữ	9,4	6,8	8,1	006	<u>[Signature]</u>	
7	116023186	Cao Chí	Thành	16/01/2003	Nam	9,1	5,5	7,3	007	<u>[Signature]</u>	
8	116023187	Kim Thị Ngọc	Thức	11/08/2005	Nữ	9,7	4,8	7,3	008	<u>[Signature]</u>	
9	116023188	Thị Rich	Thị	05/06/2004	Nữ	9,3	8,0	8,7	009	<u>[Signature]</u>	
10	116023190	Thái Minh	Thiện	11/12/2005	Nam	8,7	6,3	7,5	010	<u>[Signature]</u>	
11	116023191	Hồ Gia	Thịnh	04/11/2004	Nam	8,2	6,5	7,4	011	<u>[Signature]</u>	
12	116023192	Hồ Gia	Thịnh	24/07/2005	Nam	9,2	6,5	7,9	012	<u>[Signature]</u>	
13	116023193	Lê Võ Đức	Thịnh	04/01/2005	Nam	8,4	6,8	7,6	013	<u>[Signature]</u>	
14	116023194	Thạch Thị Bích	Thảo	19/06/2005	Nữ	9,7	4,8	7,3	014	<u>[Signature]</u>	
15	116023196	Nguyễn Kiều	Thu	04/04/2005	Nữ	8,9	8,0	8,5	015	<u>[Signature]</u>	
16	116023197	Nguyễn Phúc	Thuận	14/08/2005	Nam	8,7	6,5	7,6	016	<u>[Signature]</u>	
17	116023198	Nguyễn Phước	Thuận	19/09/2005	Nam	8,8	8,0	8,4	017	<u>[Signature]</u>	
18	116023289LT	Nguyễn Hữu	Phúc	11/03/1983	Nam	—	—	—	—	—	
19	116023291LT	Thạch Thiện	Tinh	17/02/1998	Nam	8,9	5,3	7,1	019	<u>[Signature]</u>	
20	116023296LT	Trần Khả	Ái	30/03/2002	Nữ	9,4	5,5	7,5	020	<u>[Signature]</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: [Signature]

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 12 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: [Signature]

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (73 -)/DA23YKD

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá:

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	116023320	Trịnh Thị Bích Như	02/08/2004	Nữ	9,1	5,8	7,5	013			

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Điểm QT:.....%; Điểm KT:.....%

Trà Vinh, Ngày ..12.. tháng01.. năm ..2024

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (73 -)/DA23YHDPB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

02 / 01 / 2024Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118323023	Trần Đăng Khoa	17/08/2005	Nam	9,2	3,8	6,5	001			
2	118323041	Phan Thị Kim Nhân	19/06/2005	Nữ	8,9	2,5	6,2	002			
3	118323043	Trần Nguyên Phương	19/02/2005	Nữ	9,0	4,3	6,7	003			
4	118323044	Đoàn Minh Quang	29/06/2005	Nam	9,2	4,0	6,6	004			
5	118323045	Trần Ngọc Phước Sang	18/08/2005	Nam	8,5	3,0	5,8	005			
6	118323048	Nguyễn Hà Đoan Trang	14/11/2005	Nữ	9,1	4,3	6,7	006			
7	118323049	Trang Lý Triệu Vy	20/12/2005	Nữ	8,7	3,5	6,1	007			
8	118323050	Nguyễn Tuấn Anh	05/11/2005	Nam	8,9	2,3	5,6	008			
9	118323051	Tô Kiều Anh	01/02/2005	Nữ	8,4	2,3	5,4	009			
10	118323053	Phạm Lâm Gia Bảo	19/11/2004	Nam	8,8	4,5	6,7	010			
11	118323054	Văn Hoàng Giang	02/05/2005	Nam	8,7	4,0	6,4	011			
12	118323055	Thạch Hoàng Hiếu	01/03/2004	Nam	7,8	3,8	5,8	012			
13	118323056	Hồ Nguyễn Huy Hoàng	20/06/2003	Nam	8,0	2,0	5,0	013			
14	118323058	Bùi Trần Hoàng Ngân	28/11/2004	Nữ	8,3	4,3	6,3	014			
15	118323060	Huỳnh Thị Tuyết Nghi	28/01/2005	Nữ	8,4	4,3	6,4	015			
16	118323063	Huỳnh Trọng Nhân	26/11/2005	Nam	8,7	4,5	6,6	016			
17	118323065	Trần Tấn Ty	07/02/2003	Nam	8,9	5,0	7,0	017			
18	118323066	Nguyễn Quốc Thái	11/03/2004	Nam	9,9	6,3	8,1	018			
19	118323067	Nguyễn Yến Thanh	15/02/2005	Nữ	8,8	4,8	6,8	019			
20	118323068	Dương Thị Thu	29/05/2005	Nữ	9,1	5,3	7,2	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20..Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20....Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20..Tổng số tờ: 20.....Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 12 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

02/1

Đ71 110

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (73 -)/DA23YHDPB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

02 / 01 / 2024

Phòng thi: Đ71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118323070	Nguyễn Thị Minh	Thư	04/01/2005	Nữ	9,1	3,5	6,3	001	Thư	
2	118323075	Đoàn Hồng Gia	Triệu	24/10/2005	Nam	8,7	5,8	7,3	002	#	
3	118323076	Nguyễn Thành	Triệu	10/05/2005	Nam	8,6	4,8	6,7	003	Điền	
4	118323077	Trương Triệu	Vi	30/04/2004	Nữ	7,9	5,0	6,5	004	Trương	
5	118323078	Trần Như	Ý	08/09/2005	Nữ	8,2	3,8	6,0	005	Trần	
6	118323099	Nguyễn Duy	Khánh	06/09/2005	Nam	8,6	5,0	6,8	017	Khánh	
7	118323100	Nguyễn Hoài	Tâm	09/03/1994	Nam	9,1	5,0	7,1	016	Nguyễn	
8	118323102	Nguyễn Trần Thiện	Nhân	29/05/1997	Nam	8,4	4,0	6,2	014	Thiện	
9	118323104	Phạm Huỳnh Phương	Vy	28/05/2005	Nữ	8,8	4,0	6,4	015	Vy	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ: 09

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 12 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành